

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo  
Tiếng Trung thương mại (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế)  
trình độ đại học**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2293/QĐ-ĐHTM ngày 16/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1544/QĐ-ĐHTM ngày 27/9/2023 của Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định về xây dựng và tổ chức đào tạo đối với chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại;

Quyết định số 2289/QĐ-ĐHTM ngày 04/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về xây dựng và tổ chức đào tạo đối với chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành theo Quyết định số 1544/QĐ-ĐHTM ngày 27/9/2023;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 12/12/2024 về việc thông qua các chương trình đào tạo xây dựng mới, đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 158/NQ-HĐT ngày 13/12/2024 tại phiên họp thứ 60 của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 thông qua các chương trình đào tạo xây dựng mới, đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2024 trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo **Tiếng Trung thương mại (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế)** trình độ đại học (có bản chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Khoa Tiếng Trung Quốc chịu trách nhiệm quản lý chương trình đào tạo Tiếng Trung thương mại (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) trình độ đại học.

**Điều 3.** Ông (Bà) Trưởng các phòng: Quản lý đào tạo, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Pháp chế và Thanh tra, Kế hoạch Tài chính và Trường khoa Tiếng Trung Quốc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLĐT, TTQ.



PGS, TS Nguyễn Hoàng



## CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2462/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 12 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

<b>Chương trình đào tạo:</b>	<b>Tiếng Trung thương mại (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) Business Chinese (International Profession Oriented Program)</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Ngôn ngữ Trung Quốc</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>7220204</b>
<b>Chuyên ngành đào tạo:</b>	<b>Tiếng Trung thương mại</b>
<b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>	<b>Tiếng Việt, Tiếng Trung</b>

### 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo (CTĐT) Tiếng Trung thương mại (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) là chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp. CTĐT này có mục tiêu là đào tạo cử nhân chất lượng cao có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức toàn diện về ngôn ngữ Trung Quốc, kiến thức chuyên sâu về tiếng Trung thương mại, có kiến thức tổng quát, liên ngành trong kinh tế - quản lý - kinh doanh; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp liên quan đến ngôn ngữ và thương mại một cách thành thục trong môi trường quốc tế, có khả năng tự khởi sự kinh doanh để tạo việc làm cho bản thân và người khác, có năng lực tự học tập bồi dưỡng suốt đời.

- Mục tiêu cụ thể: Sau khi tốt nghiệp CTĐT Tiếng Trung thương mại (chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế), người học có thể:

+ Vận dụng vào thực tế các kiến thức cơ bản liên quan đến chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, kiến thức toàn diện về ngôn ngữ Trung Quốc, kiến thức chuyên sâu về tiếng Trung thương mại, kiến thức tổng quát, liên ngành trong kinh tế - quản lý - kinh doanh.

+ Thực hành nghề nghiệp liên quan đến ngôn ngữ và thương mại một cách thành thục trong môi trường quốc tế có sử dụng tiếng Trung.

+ Khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.



+ Làm việc một cách độc lập, sáng tạo, có khả năng thích ứng cao và có khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và quốc tế.

+ Sử dụng hiệu quả ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong môi trường làm việc.

+ Đảm nhiệm tốt các vị trí công việc có sử dụng tiếng Trung, các vị trí kinh doanh, quản lý tại các doanh nghiệp, các tổ chức trong và ngoài nước.

## **2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

### **2.1. Yêu cầu về kiến thức**

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn kiến thức sau:

(PLO1): Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn liên quan đến chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội vào công việc và đời sống trong xu thế chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

(PLO2): Vận dụng được các kiến thức toàn diện về ngôn ngữ Trung Quốc và kiến thức chuyên sâu về tiếng Trung thương mại vào hoạt động giao tiếp và giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc trong môi trường quốc tế có sử dụng tiếng Trung.

(PLO3): Vận dụng được các kiến thức tổng quát, liên ngành trong kinh tế - quản lý - kinh doanh vào việc giải quyết các tình huống công việc trong môi trường quốc tế có sử dụng tiếng Trung.

### **2.2. Yêu cầu về kỹ năng**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo này có kỹ năng thực hành nghề nghiệp liên quan đến ngôn ngữ và thương mại một cách thành thục trong môi trường quốc tế có sử dụng tiếng Trung gồm:

#### *Kỹ năng tư duy*

(PLO4): Xác định được các đặc điểm và kỹ năng cần thiết của các nghề nghiệp liên quan đến ngôn ngữ và thương mại.

(PLO5): Tổng hợp, phân tích, phát hiện và giải quyết vấn đề trong các tình huống công việc ở trong môi trường kinh doanh quốc tế.

#### *Kỹ năng học vấn*

(PLO6): Thực hành thành thạo kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung; các kỹ năng biên phiên dịch, soạn thảo văn bản bằng tiếng Trung trong các hoạt động thương mại quốc tế.

#### *Kỹ năng cá nhân và kỹ năng tương tác liên cá nhân*

(PLO7): Phát triển được các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thuyết trình, làm việc nhóm, giao tiếp và ứng xử vào học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn.

(PLO8): Có khả năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

### **2.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(PLO9): Có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong làm việc cá nhân, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc.



(PLO10): Có ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế và các quy định trong công việc, các chuẩn mực đạo đức, văn hóa kinh doanh.

#### **2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học**

(PLO11): Đạt chuẩn tiếng Trung trình độ bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định chuẩn đầu ra tiếng Trung đối với sinh viên chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO12): Vận dụng được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh để xử lý các tình huống phổ biến trong môi trường làm việc quốc tế liên quan đến kinh tế - thương mại ở mức độ căn bản.

(PLO13): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

#### **3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Có thể làm việc tại các vị trí có sử dụng tiếng Trung, các vị trí kinh doanh, quản lý tại các doanh nghiệp, các tổ chức trong và ngoài nước như:

- Nhân viên kinh doanh, dự án, xuất nhập khẩu, du lịch, khách sạn, nhà hàng;
- Nhân viên văn phòng;
- Thư ký, trợ lý;
- Quản lý, chủ doanh nghiệp;
- Biên dịch viên, phiên dịch viên;
- Chuyên viên đối ngoại, hợp tác quốc tế.

#### **4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các kiến thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng yêu cầu vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác;
- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) trong và ngoài nước.

#### **5. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo**

##### **5.1. Trong nước**

(1) Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia;

(2) CTĐT tiên tiến ngành Ngôn ngữ Trung Quốc – Trường Đại học Hà Nội  
<https://www.hanu.vn/c/7912/Ngon-ngu-Trung-Quoc--Tien-tien>

(3) CTĐT tiên tiến ngành Ngôn ngữ Trung Quốc – Trường Đại học Đông Á  
<https://ngonngutrong.donga.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao>

(4) CTĐT ngành Ngôn ngữ Trung Quốc – Trường Đại học Hạ Long



<https://uhl.edu.vn/khoa-ngoai-ngu/khoa-nn-dao-tao/de-cuong-chi-tiet/>

## 5.2. Ngoài nước

(1) CTĐT ngành Ngôn ngữ Hán (định hướng Kinh tế thương mại), Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, Trung Quốc

<https://admission.blcu.edu.cn/2023/1211/c1250a2668/page.htm>

(2) CTĐT ngành Ngôn ngữ Hán (định hướng Tiếng Hán thương mại quốc tế), Đại học Phúc Đán, Thượng Hải, Trung Quốc

<https://ices.fudan.edu.cn/d8/c1/c40369a55489/page.htm>

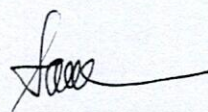
(3) CTĐT ngành giáo dục Hán ngữ quốc tế (định hướng Tiếng Trung thương mại), Đại học Kinh tế thương mại đối ngoại Thượng Hải, Trung Quốc

<https://jwc.suibe.edu.cn/2021/0916/c17836a140272/page.htm>

(4) CTĐT ngành giáo dục Hán ngữ quốc tế (định hướng Thương mại), Đại học tài chính Thượng Hải, Trung Quốc

<https://ices.sufe.edu.cn/65/0c/c9625a156940/page.htm>

  
**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**PGS, TS Nguyễn Hoàng**

**TRƯỞNG KHOA**  
  
**TS. Phùng Thị Thu Trang**



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số.../QĐ-ĐHTM ngày... tháng... năm...  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

<b>Chương trình đào tạo:</b>	<b>Tiếng Trung thương mại (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) Business Chinese (International Profession Oriented Program)</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Ngôn ngữ Trung Quốc</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>7220204</b>
<b>Chuyên ngành đào tạo:</b>	<b>Tiếng Trung thương mại</b>
<b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>	<b>Tiếng Việt, Tiếng Trung</b>

### 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo (CTĐT) Tiếng Trung thương mại (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) là chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp. CTĐT này có mục tiêu là đào tạo cử nhân chất lượng cao có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức toàn diện về ngôn ngữ Trung Quốc, kiến thức chuyên sâu về tiếng Trung thương mại, có kiến thức tổng quát, liên ngành trong kinh tế - quản lý - kinh doanh; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp liên quan đến ngôn ngữ và thương mại một cách thành thực trong môi trường quốc tế, có khả năng tự khởi sự kinh doanh để tạo việc làm cho bản thân và người khác, có năng lực tự học tập bồi dưỡng suốt đời.

- Mục tiêu cụ thể: Sau khi tốt nghiệp CTĐT Tiếng Trung thương mại (chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế), người học có thể:

+ Vận dụng vào thực tế các kiến thức cơ bản liên quan đến chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, kiến thức toàn diện về ngôn ngữ Trung Quốc, kiến thức chuyên sâu về tiếng Trung thương mại, kiến thức tổng quát, liên ngành trong kinh tế - quản lý - kinh doanh.

+ Thực hành nghề nghiệp liên quan đến ngôn ngữ và thương mại một cách thành thực trong môi trường quốc tế có sử dụng tiếng Trung.



- + Khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
- + Làm việc một cách độc lập, sáng tạo, có khả năng thích ứng cao và có khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và quốc tế.
- + Sử dụng hiệu quả ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong môi trường làm việc.
- + Đảm nhiệm tốt các vị trí công việc có sử dụng tiếng Trung, các vị trí kinh doanh, quản lý tại các doanh nghiệp, các tổ chức trong và ngoài nước.

## **2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

### **2.1. Yêu cầu về kiến thức**

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn kiến thức sau:

(PLO1): Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn liên quan đến chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội vào công việc và đời sống trong xu thế chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

(PLO2): Vận dụng được các kiến thức toàn diện về ngôn ngữ Trung Quốc và kiến thức chuyên sâu về tiếng Trung thương mại vào hoạt động giao tiếp và giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc trong môi trường quốc tế có sử dụng tiếng Trung.

(PLO3): Vận dụng được các kiến thức tổng quát, liên ngành trong kinh tế - quản lý - kinh doanh vào việc giải quyết các tình huống công việc trong môi trường quốc tế có sử dụng tiếng Trung.

### **2.2. Yêu cầu về kỹ năng**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo này có kỹ năng thực hành nghề nghiệp liên quan đến ngôn ngữ và thương mại một cách thành thục trong môi trường quốc tế có sử dụng tiếng Trung gồm:

*Kỹ năng tư duy*

(PLO4): Xác định được các đặc điểm và kỹ năng cần thiết của các nghề nghiệp liên quan đến ngôn ngữ và thương mại.

(PLO5): Tổng hợp, phân tích, phát hiện và giải quyết vấn đề trong các tình huống công việc ở trong môi trường kinh doanh quốc tế.

*Kỹ năng học vấn*

(PLO6): Thực hành thành thạo kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung; các kỹ năng biên phiên dịch, soạn thảo văn bản bằng tiếng Trung trong các hoạt động thương mại quốc tế.

*Kỹ năng cá nhân và kỹ năng tương tác liên cá nhân*

(PLO7): Phát triển được các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thuyết trình, làm việc nhóm, giao tiếp và ứng xử vào học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn.



(PLO8): Có khả năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

### **2.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(PLO9): Có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong làm việc cá nhân, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc.

(PLO10): Có ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế và các quy định trong công việc, các chuẩn mực đạo đức, văn hóa kinh doanh.

### **2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học**

(PLO11): Đạt chuẩn tiếng Trung trình độ bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định chuẩn đầu ra tiếng Trung đối với sinh viên chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO12): Vận dụng được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh để xử lý các tình huống phổ biến trong môi trường làm việc quốc tế liên quan đến kinh tế - thương mại ở mức độ căn bản.

(PLO13): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

## **4. Đối tượng tuyển sinh**

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học. Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, người học phải đạt chuẩn đầu vào tiếng Trung trình độ bậc 3 và đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh trình độ bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Trong trường hợp chưa đạt được trình độ bậc 2 tiếng Anh, người học sẽ phải học chương trình tiếng Anh bổ sung theo quy định của Trường.

## **5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

### **5.1. Quy trình đào tạo**

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

**Bước 1.** Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;



**Bước 2.** Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

**Bước 3.** Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

**Bước 4.** Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

**Bước 5.** Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

## **5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học



f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

## 6. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

## 7. Nội dung chương trình đào tạo

### 7.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Số TC	Cấu trúc
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>			<b>49</b>	
<b>1.1</b>	<b>Giáo dục đại cương</b>			<b>38</b>	
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>35</b>	
1	Triết học Mác - Lê Nin Phylosophy of Maxism – Leninism	MLNP0221	Tiếng Việt	3	36,18
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political economics of Maxism – Leninism	RLCP1211	Tiếng Việt	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh ideology	HCMIO111	Tiếng Việt	2	24,12
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese communist party	HCMIO131	Tiếng Việt	2	21,18
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	HCMIO121	Tiếng Việt	2	24,12
6	Pháp luật đại cương Introduction to laws	TLAW0111	Tiếng việt	2	24,12
7	Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản Information technology foundation	INFO3511	Tiếng Việt	3	36,18
8	Tiếng Anh thương mại 1 English for business 1	ENTI3311	Tiếng Anh	2	24,12
9	Tiếng Anh thương mại 2 English for business 2	ENTI3411	Tiếng Anh	2	24,12
10	Tiếng Anh thương mại 3 English for business 3	ENTI4011	Tiếng Anh	2	24,12
11	Thực hành tiếng Trung 1	CHSK0511	Tiếng Trung	2	0, 60



	Practice Chinese 1				
12	Thực hành tiếng Trung 2 Practice Chinese 2	CHSK0611	Tiếng Trung	2	0,60
13	Tiếng Trung tổng hợp 1 General Chinese 1	CHTN0511	Tiếng Trung	3	36,18
14	Tiếng Trung tổng hợp 2 General Chinese 2	CHTN0611	Tiếng Trung	3	36,18
15	Tiếng Trung tổng hợp 3 General Chinese 3	CHTN0711	Tiếng Trung	3	36,18
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>3</b>	
	<i>Chọn 03 TC trong các HP sau:</i>				
1	Toán đại cương Basic mathematics	AMAT1011	Tiếng Việt	3	36,18
2	Giao tiếp trong kinh doanh Communication in business	EPIN0111	Tiếng Việt	3	0,90
<b>1.2</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>			<b>3</b>	
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>1</b>	
	Giáo dục thể chất chung Physical education	GDTC1611	Tiếng Việt	1	12,18
<b>1.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>2</b>	
	<i>Chọn 02 TC trong các HP sau:</i>				
1	Cầu lông Badminton	GDTC0521	Tiếng Việt	1	12,18
2	Bóng chuyền Volleyball	GDTC0621	Tiếng Việt	1	12,18
3	Bóng ném Handball	GDTC0721	Tiếng Việt	1	12,18
4	Bóng bàn Table tennis	GDTC1621	Tiếng Việt	1	12,18
5	Cờ vua Chess	GDTC1721	Tiếng Việt	1	12,18
6	Bóng rổ Basketball	GDTC0821	Tiếng Việt	1	12,18



1.3	<b>Giáo dục Quốc phòng – An ninh</b> <b>Military Education</b>			<b>8</b>	
<b>2</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>			<b>82</b>	
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức liên ngành</b>			<b>28</b>	
<b>2.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>19</b>	
1	Chuyên đổi số trong kinh doanh Digital transformation in business	PCOM1111	Tiếng Việt	2	24, 12
2	Khởi sự kinh doanh Entrepreneurship	EPIN0211	Tiếng Việt	3	36,18
3	Kinh doanh quốc tế International business	ITOM1311	Tiếng Việt	3	36,18
4	Nghiệp vụ thương mại quốc tế 1 International business 1	CHSK0371	Tiếng Trung	3	36,18
5	Nghiệp vụ thương mại quốc tế 2 International business 2	CHSK0471	Tiếng Trung	3	36,18
6	Nghiệp vụ đàm phán thương mại International trade negotiation	CHSK0271	Tiếng Trung	3	36,18
7	Thực tập nghề nghiệp Internship	NNTQ0161	Tiếng Việt	2	0,60
<b>2.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>9</b>	
	<i>Chọn 9 TC trong các HP sau:</i>				
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research methodology	SCRE0211	Tiếng Việt	3	36,18
2	Quản trị dịch vụ Service management	TEMG2911	Tiếng Việt	3	36,18
3	Quản trị đa văn hóa Cross cultural management	ITOM1811	Tiếng Việt	3	36,18
4	Luật kinh tế 1 Economic law 1	PLAW0321	Tiếng Việt	3	36,18
5	Nghiệp vụ hải quan Customs practice	ITOM1721	Tiếng Việt	3	36,18



6	Thương mại điện tử căn bản Fundamentals of electronic commerce	PCOM0111	Tiếng Việt	3	36,18
<b>2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>			<b>26</b>	
<b>2.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>14</b>	
1	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc Chinese grammar	CHIN3371	Tiếng Trung	2	24,12
2	Ngữ âm, văn tự, từ vựng tiếng Trung Quốc Chinese phonetics, characters and vocabulary	CHIN2271	Tiếng Trung	3	36,18
3	Tiếng Trung thương mại tổng hợp 1 General Chinese business 1	CHIN1071	Tiếng Trung	3	36,18
4	Tiếng Trung thương mại tổng hợp 2 General Chinese business 2	CHIN1171	Tiếng Trung	3	36,18
5	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp Professional practice	NNTQ0261	Tiếng Trung	3	0,90
<b>2.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>				
	<i>Chọn 12 TC trong các HP sau:</i>			<b>12</b>	
1	Nghe nói tiếng Trung Chinese listening and speaking	CHIN2571	Tiếng Trung	3	0,90
2	Đọc viết tiếng Trung Chinese reading and writing	CHIN2871	Tiếng Trung	3	0,90
3	Nghe nói tiếng Trung thương mại Business Chinese listening and speaking	CHIN2471	Tiếng Trung	3	0,90
4	Đọc viết tiếng Trung thương mại Business Chinese reading and writing	CHIN2771	Tiếng Trung	3	0,90
5	Tiếng Trung nâng cao Advanced Chinese	CHIN2171	Tiếng Trung	3	0,90
6	Văn hóa và nghi thức thương mại Trung Quốc Business Culture and Etiquette of Chinese	CHIN4311	Tiếng Trung	3	36,18
7	Đối chiếu ngôn ngữ Hán-Việt Chinese-Vietnamese contrastive	CHIN2671	Tiếng Trung	3	36,18



8	Ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc Chinese language and culture	CHIN2371	Tiếng Trung	3	36,18
2.3	<b>Kiến thức chuyên ngành</b> <i>(gồm các học phần bắt buộc)</i>			<b>18</b>	
1	Tiếng Trung logistics Chinese logistics	CHTN0111	Tiếng Trung	3	36,18
2	Tiếng Trung thương mại điện tử Chinese e-commerce	CHSK0111	Tiếng Trung	3	36,18
3	Dịch viết tiếng Trung thương mại 1 Business Chinese translation 1	CHTN0311	Tiếng Trung	3	36,18
4	Dịch nói tiếng Trung thương mại 1 Business Chinese interpretation 1	CHTN0411	Tiếng Trung	3	36,18
5	Dịch viết tiếng Trung thương mại 2 Business Chinese translation 2	CHIN3171	Tiếng Trung	3	36,18
6	Dịch nói tiếng Trung thương mại 2 Business Chinese interpretation 2	CHIN3271	Tiếng Trung	3	36,18
2.4	<b>Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học</b>			<b>10</b>	
1	Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm Internship project report	REPQ1811	Tiếng Trung	3	0,90
2	Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp Graduation thesis	LVVQ1911	Tiếng Trung	7	0,210

**Ghi chú:**

*Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ bao gồm 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp (trong đó có 96 tín chỉ học phần bắt buộc (80%), 24 tín chỉ học phần tự chọn (20%) và 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh.*

*Trong 120 tín chỉ học tập của toàn bộ chương trình có 76 tín chỉ (63,3%) học phần tiếng Trung và học phần chuyên môn giảng dạy bằng tiếng Trung.*

**7.2. Mô tả các học phần (xem phụ lục)**



## 8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Kỳ 1	Kiến thức giáo dục đại cương	12
	GDTC	1
Kỳ 2	Kiến thức giáo dục đại cương	9
	Kiến thức liên ngành	3
	GDTC	1
Kỳ hè năm thứ nhất	GDQP-AN	8
Kỳ 3	Kiến thức giáo dục đại cương	6
	Kiến thức liên ngành	4
	GDTC	1
Kỳ 4	Kiến thức giáo dục đại cương	5
	Kiến thức liên ngành	9
	Kiến thức ngành	6
Kỳ 5	Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)	3
	Kiến thức liên ngành	3
	Kiến thức ngành	6
	Kiến thức chuyên ngành	6
Kỳ 6	Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)	3
	Kiến thức liên ngành	6
	Kiến thức ngành	3
	Kiến thức chuyên ngành	6
Kỳ 7	Kiến thức liên ngành	3
	Kiến thức chuyên ngành	6
Kỳ 8	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10
	<b>Tổng cộng</b>	<b>131</b>

Lưu ý:

- Căn cứ vào điều kiện thực tế, Nhà trường có thể điều chỉnh kế hoạch thực hiện CTĐT;
- Các Học phần thực hành/ thực tế có thể được tổ chức học tập vào kỳ hè năm thứ 2, năm thứ 3;



- Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

TS. Phùng Thị Thu Trang